

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 4 - 2024
“V/v Ly hôn giữa anh G và chị H”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Duyên và bà Trần Thị Mộng

Lành

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa:**
Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 300/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Anh Nguyễn Trường G**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số 98 ấp C, xã P, huyện PT, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Tiểu đoàn 1, Lữ đoàn 25, Quân khu 9, ấp B, xã T, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: **Chị Ngô Thị H**, sinh năm 2001

Địa chỉ: Ấp n, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án anh Nguyễn Trường G trình bày như sau:

Anh Nguyễn Trường G (gọi tắt là anh G) và chị Ngô Thị H (Gọi tắt là chị H) kết hôn vào ngày 02/6/2020 tại UBND xã Phú Tân, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau trên cơ sở tự nguyện, được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình của vợ chồng không hòa hợp, anh G là bộ đội phục vụ trong quân ngũ khoảng hai đến ba tháng mới được về thăm nhà một lần nhưng khi về đến nhà là vợ chồng cự lộn bất hòa, trong lúc vợ chồng cự cãi chị H còn có những lời lẽ nặng nề xúc phạm tới chồng và cha mẹ chồng. Từ tháng 5 năm 2022 sau khi vợ chồng cự cãi chị H đã tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột để sinh sống và vợ chồng ly thân cho đến nay. Anh G đã nhiều lần liên lạc với vợ mong vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng chị H không đồng ý. Đến nay anh G nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau và hôn nhân không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án cho ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh G xác định vợ chồng chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Anh G xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa - bị đơn chị Ngô Thị Hằng mặt, không có yêu cầu phản tố và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn của anh G.

Thu thập chứng cứ: Nguyên đơn cung cấp Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); căn cước công dân của Nguyễn Trường G (Bản công chứng), xác nhận tình trạng cư trú của bị đơn. Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa chị H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ pháp luật: Anh G yêu cầu ly hôn với chị H nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn”.

Anh G và chị H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Tân, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh G, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh từ chính quyền địa phương có cơ sở xác định đời sống hôn nhân giữa anh G và chị H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình của vợ chồng không có sự hoà hợp, không có cùng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không có sự thông cảm và chia sẻ với nhau trong cuộc sống và công việc. Anh G sống cuộc sống quân ngũ ít có thời gian ở cùng gia đình nhưng khi vợ chồng được ở gần nhau thì thường xảy ra bất hoà, cự lộn, hôn nhân không có hạnh phúc. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân khoảng 02 năm và không còn quan tâm tới cuộc sống của nhau. Tòa án đã tiến hành hoà giải đoàn tụ nhưng các đương sự đều không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Từ đó có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của anh G cho anh G được ly hôn với chị H.

Về con chung: Các đương sự chưa có con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung của vợ chồng: Anh G xác định vợ chồng không có tài sản chung, các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Anh G xác định không có, không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án buộc anh G là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trường G.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Trường G và chị Ngô Thị H.
2. Về con chung: Các đương sự chưa có con chung nên không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung của vợ chồng: Anh Nguyễn Trường G xác định vợ chồng không có tài sản chung, các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.
4. Về nợ chung của vợ chồng: Anh Nguyễn Trường G xác định không có, không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Nguyễn Trường G có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009031 ngày 27/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Anh Nguyễn Trường G đã nộp đủ án phí.
6. Bảo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 08/4/2024, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự" ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Tân;
- Lưu, HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm